

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**  
\*\*\*\*\*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**TIẾNG ANH NÂNG CAO**

**Số tín chỉ: 02**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên**

**Năm 2022**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**Trình độ đào tạo: Đại học**  
**Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên**

**1. Tên học phần:** Tiếng Anh nâng cao

**2. Mã học phần:** TANH 034

**3. Số tín chỉ:** 2 (2,0)

**4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ 3

**5. Phân bổ thời gian**

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

**6. Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh cơ bản 3

**7. Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913601619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913592866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989670521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	<a href="mailto:Trang.phamhuyen88@gmail.com">Trang.phamhuyen88@gmail.com</a>
5	ThS. Trần Hoàng Yên	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com

**8. Mô tả nội dung của học phần**

Học phần Tiếng Anh nâng cao cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Cách sử dụng động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì của động từ, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể, so sánh.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: Giao tiếp, giao dịch, thể thao, giải trí, ăn uống.

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

**9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**9.1. Mục tiêu**

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b>
<b>MT1</b>	<b>Kiến thức</b>		
	Trình bày kiến thức về các nội dung sau: - Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản về các thì của động từ, từ loại, sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, các mệnh đề, so sánh. - Từ vựng, cấu trúc giao tiếp trong cuộc sống, công việc hàng ngày về biểu cảm, giao dịch, giải trí, thể thao, ăn uống, công việc, giao tiếp.	3	[1.2.1.1b]
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
	Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản về bản thân, gia đình, bạn bè, giải trí, thể thao, ăn uống, học tập, đảm bảo giao tiếp được trong các tình huống thông thường của cuộc sống, công việc hàng ngày.	3	[1.2.2.3]
<b>MT3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[1.2.3.1]

## 9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ CDR học phần trong CTĐT</b>
<b>CDR1</b>	<b>Kiến thức</b>		
CDR1.1	Liệt kê được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Biểu cảm, giao dịch, giải trí, thể thao, ăn uống, công việc.	3	[2.1.2]
CDR1.2	Trình bày được các trường hợp trong sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ.		

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ CDR học phần trong CTĐT</b>
CDR1.3	Nêu được cấu tạo, cách sử dụng các từ loại trong tiếng Anh: Động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, tính từ, danh từ, đại từ.		
CDR1.4	Phân biệt được các thì của động từ trong tiếng Anh. Trình bày được cấu trúc, cách dùng, dấu hiệu nhận biết của từng thì.		
CDR1.5	Xác định đúng các loại câu điều kiện, câu giả định, các trợ động từ, động từ khuyết thiếu.		
CDR1.6	Phân biệt được các loại mệnh đề quan hệ, đại từ quan hệ.		
CDR1.7	Phân biệt được các cặp từ, nhóm từ dễ nhầm lẫn trong tiếng Anh.		
<b>CDR2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
CDR2.1	Nghe, tìm từ khóa với dạng bài miêu tả tranh bằng cách trả lời các câu hỏi: Ai? Ở đâu? Cái gì? Thế nào? Bao nhiêu?		
CDR2.2	Nghe hiểu dạng bài hỏi-đáp, hội thoại để nhận biết về thời gian, ý kiến, thái độ, thông tin để xác định được sự lựa chọn, lời gợi ý, lý do, nơi chốn.		
CDR2.3	Đọc hiểu thông tin trong các văn bản sử dụng trong giao dịch, bản tin quảng cáo, thư từ, biểu đồ, báo cáo, bài báo về các chủ điểm trong cuộc sống, sinh hoạt, giao tiếp và công việc hằng ngày.	3	[2.2.6]
CDR2.4	Giới thiệu bản thân với các thông tin cơ bản, quê quán, gia đình, sở thích, diện mạo, khả năng, điểm mạnh, điểm yếu, kế hoạch.		
CDR2.5	Thuyết trình về các chủ điểm trong cuộc sống hằng ngày: Bạn bè, thể thao, ăn uống, du lịch, học tập, gia đình.		
CDR2.6	Trả lời phỏng vấn các thông tin cá nhân, học tập, công việc.		
<b>CDR3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		

<b>CĐR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT</b>
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

**10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần**

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																
		CĐR1							CĐR2						CĐR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 1.5	CĐR 1.6	CĐR 1.7	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
1	Unit 1. Part of speech	3			3			3	3	3	3	3		3	4	4	4	4
2	Unit 2. Present tense	3			3			3	3	3	3		3	3	4	4	4	4
3	Unit 3. Past tense	3		3				3	3	3	3		3	3	4	4	4	4
4	Unit 4. Future tense	3	3					3	3	3	3		3	3	4	4	4	4
5	Unit 5. Gerunds /infinitive	3				3		3	3	3	3		3	3	4	4	4	4
6	Unit 6. Subject-verb agreement	3		3			3	3	3	3	3		3	3	4	4	4	4
7	Unit 7. Auxilliaris	3		3				3	3	3	3		3	3	4	4	4	4

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	Chuẩn đầu ra của học phần			Ghi chú
					CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần	1 điểm	20%	- Phát vấn - Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá chuyên cần	CĐR1.1 CĐR1.2 CĐR1.3 CĐR1.4	CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR2.3 CĐR2.5	CĐR3.1 CĐR3.2 CĐR3.3	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	- Thi nói (10p/1sv)	CĐR1.1 CĐR1.2 CĐR1.3 CĐR1.4 CĐR1.5 CĐR1.6	CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR2.3 CĐR2.5 CĐR2.6	CĐR3.1 CĐR3.2 CĐR3.3 CĐR3.4	
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	- Trắc nghiệm trên máy tính - 90 phút	CĐR1.1 CĐR1.2 CĐR1.3 CĐR1.4 CĐR1.5 CĐR1.6 CĐR1.7	CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR2.3 CĐR2.4 CĐR2.5 CĐR2.6	CĐR3.1 CĐR3.2 CĐR3.3 CĐR3.4	

### 11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm điểm 4.

### 11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp.

- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp (thời gian: 10 phút/sinh viên).
- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (01 bài thi, thời gian làm bài: 60 phút).

## 12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, vở ghi, bút, ...

## 13. Tài liệu phục vụ học phần

### **Tài liệu bắt buộc:**

[1]. Anne Taylor Garrett Byrne (2007), *Very Easy TOEIC introduction, 3rd edition*, Compass Publishing.

### **Tài liệu tham khảo:**

[2]. Kim Soyeong - Park Won (2008), *Big Step TOEIC 1*, Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

## 14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	<p><b>Unit 1. Part of speech</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được cấu trúc và cách sử dụng của các từ loại như danh từ, động từ, tính từ, trạng từ...</li> <li>- Hiểu được cách sử dụng giới từ “with”.</li> <li>- Làm được bài tập ngữ pháp về từ loại.</li> <li>- Biết cách làm bài tập nghe.</li> <li>- Hiểu cách làm bài tập đọc dạng hoàn thành câu, hoàn thành đoạn và bài đọc hiểu.</li> <li>- Trình bày được bài nói giới thiệu bản thân.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>1.1. Grammar focus:</b></p>	4 (4LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giải thích cấu trúc và cách sử dụng của các từ loại như danh từ, động từ, tính từ, trạng từ...</li> <li>+ Nêu cách sử dụng giới từ “with”, hướng dẫn sinh viên phân biệt nghĩa của từ trong các hoàn cảnh khác nhau.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu:</li> </ul> <p>[1]: Unit 1 trang 14-15.</p>	CĐR1.1, CĐR1.4, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.



TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	1.1.1. Part of speech 1.1.2. Preposition: At 1.1.3. Grammar exercise <b>1.2. Listening:</b> 1.2.1. Part 1 1.2.2. Part 2 1.2.3. Part 3 <b>1.3. Reading:</b> 1.3.1. Part 5 1.3.2. Part 6 1.3.3. Part 7 <b>1.4. Speaking:</b> Introduce yourself		[2]: Mục 3 trang 178. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong tài liệu [1]: Unit 1, Part 5, 6, 7 trang 22-27.	
2	<b>Unit 2. Present tense</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày được cấu trúc và cách sử dụng thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành. - Hiểu được cách sử dụng giới từ “at”. - Làm được bài tập ngữ pháp về các thì. - Biết cách làm bài tập nghe. - Hiểu cách làm bài tập đọc dạng hoàn thành câu, hoàn thành đoạn và bài đọc hiểu. - Trình bày được bài nói giới thiệu bản thân. <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>2.1. Grammar focus:</b> 2.1.1. Present tense 2.1.2. Preposition: At 2.1.3. Grammar exercise <b>2.2. Listening:</b> 2.2.1. Part 1 2.2.2. Part 2 2.2.3. Part 3 <b>2.3. Reading:</b> 2.3.1. Part 5	4 (4LT, 0TH)	<b>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích cấu trúc và cách sử dụng thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành. + Nêu cách sử dụng giới từ “at”, hướng dẫn sinh viên phân biệt nghĩa của từ trong các hoàn cảnh khác nhau. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 2 trang 28-29. [2]: Mục 3 trang 178. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 2, Part 5, 6, 7 trang 35-41.	CDR1.1, CDR1.4, CDR1.7, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	2.3.2. Part 6 2.3.3. Part 7 <b>2.4. Speaking:</b> Introduce yourself			
3	<b>Unit 3. Past tense</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày được cấu trúc và cách sử dụng thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn và quá khứ hoàn thành. - Làm được các bài tập thực hành ngữ pháp. - Nghe và làm được các bài tập nghe. - Hiểu và làm được các bài tập đọc hiểu. - Thuyết trình về kỳ nghỉ. <b>Nội dung cụ thể</b> <b>3.1. Grammar focus:</b> 3.1.1. Vocabulary 3.1.2. Past tense 3.1.3. Grammar exercise <b>3.2. Listening:</b> 3.2.1. Part 1 3.2.2. Part 2 3.2.3. Part 3 <b>3.3. Reading:</b> 3.3.1. Part 5 3.3.2. Part 6 3.3.3. Part 7 <b>3.4. Speaking:</b> Talk about your last holiday	4 (4LT, 0TH)	<b>Thuyết trình; Đặt vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 3 trang 42-43. [2]: Mục 1 trang 172. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 3, part 3,4,5,6,7 trang 49-55.	CDR1.1, CDR1.5, CDR1.7, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
4	<b>Unit 4. Future tense</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày được cấu trúc và cách sử dụng thì tương lai đơn giản và tương lai gần. - Làm được các bài tập thực hành ngữ pháp. - Nghe và làm được các bài	6 (4LT, 0TH, 2KT)	<b>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích các quy tắc sử dụng của thì tương lai đơn và tương lai gần. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.7, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR2.6,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>tập nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và làm được các bài tập đọc hiểu.</li> <li>- Nói được về chủ đề cuộc sống ở thành phố.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>4.1. Grammar focus:</b></p> <p>4.1.1. Vocabulary</p> <p>4.1.2. Future tense</p> <p>4.1.3. Grammar exercise</p> <p><b>4.2. Listening:</b></p> <p>4.2.1. Part 1</p> <p>4.2.2. Part 2</p> <p>4.2.3. Part 3</p> <p><b>4.3. Reading:</b></p> <p>4.3.1. Part 5</p> <p>4.3.2. Part 6</p> <p>4.3.3. Part 7</p> <p><b>4.4. Speaking:</b></p> <p>Talk about the life in the city</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra giữa học phần</li> </ul>		<p>viên giải quyết vấn đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giao bài tập cho các cá nhân, nhóm.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>[1]: Unit 4 trang 56, 57</li> <li>[2]: Mục 1,2 trang 162-163</li> </ul> </li> <li>+ Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.</li> <li>+ Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 4 part 1-7 trang 59-68.</li> <li>+ Làm bài kiểm tra giữa học phần.</li> </ul>	<p>CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.</p>
5	<p><b>Unit 5. Gerunds/Infinitives</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày sự khác nhau trong cách sử dụng giữa động từ nguyên thể và danh động từ.</li> <li>- Làm được các bài thực hành.</li> <li>- Nghe và làm các bài nghe.</li> <li>- Hiểu và làm các bài đọc hiểu.</li> <li>- Trình bày được bài nói về các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>5.1. Grammar focus:</b></p> <p>5.1.1. Vocabulary</p> <p>5.1.2. Gerunds / Infinitives</p> <p>5.1.3. Grammar exercise</p> <p><b>5.2. Listening:</b></p> <p>5.2.1. Part 1</p>	4 (4LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Tổ chức thảo luận nhóm;</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân biệt cách sử dụng động từ nguyên thể và danh động từ.</li> <li>+ Thuyết trình hướng dẫn cách trình bày bài nói về các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.</li> <li>+ Tổ chức hoạt động nhóm cho sinh viên.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>[1]: Unit 5 trang 70-71</li> <li>[2]: Mục 1, 2 trang 118-124</li> </ul> </li> <li>+ Luyện nghe, quan sát, lắng</li> </ul>	<p>CDR1.1, CDR1.3, CDR1.7, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	5.2.2. Part 2 5.2.3. Part 3 <b>5.3. Reading:</b> 5.3.1. Part 5 5.3.2. Part 6 5.3.3. Part 7 <b>5.4. Speaking:</b> Talk about your free time activities		nghe, đọc trang 73-76.	
6	<b>Unit 6. Subject-Verb Agreement</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày được các quy tắc phối hợp giữa chủ ngữ và động từ. - Hiểu được sự khác nhau giữa danh động từ và động từ nguyên thể. - Hiểu yêu cầu và làm được các bài tập đọc hiểu. - Nói được về chủ đề cuộc sống ở thành phố. <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>6.1. Grammar focus:</b> 6.1.1. Vocabulary 6.1.2. Subject- verb agreement 6.1.3. Grammar exercise <b>6.2. Listening:</b> 6.2.1. Part 1 6.2.2. Part 2 6.2.3. Part 3 <b>6.3. Reading:</b> 6.3.1. Part 5 6.3.2. Part 6 6.3.3. Part 7 <b>6.4. Speaking:</b> Talk about the life in the city	4 (4LT, 0TH)	<b>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích các quy tắc về sự hòa hợp chủ ngữ - động từ. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho các cá nhân, nhóm. + Nhận xét, đánh giá. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 6 trang 84-85 [2]: Mục 1,2 trang 162-163 + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 4 part 1-7 trang 87-97.	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.7, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
	<b>Unit 7. Auxiliaries</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày nghĩa của từ vựng chủ đề giải trí.	4 (4LT, 0TH)	<b>Thuyết trình; Tổ chức học theo nhóm, cặp.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích cách sử dụng của	CDR1.1, CDR1.5, CDR1.7, CDR2.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>- Trình bày được cách sử dụng của động từ khuyết thiếu.</p> <p>- Hiểu và làm được các bài nghe.</p> <p>- Hiểu và làm được các bài tập đọc hiểu.</p> <p>- Nói được về chủ đề dự định trong tương lai của bạn.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>7.1. Grammar focus:</b></p> <p>7.1.1. Vocabulary</p> <p>7.1.2. Auxiliaries</p> <p>7.1.3. Grammar exercise</p> <p><b>7.2. Listening:</b></p> <p>7.2.1. Part 1</p> <p>7.2.2. Part 2</p> <p>7.2.3. Part 3</p> <p><b>7.3. Reading:</b></p> <p>7.3.1. Part 5</p> <p>7.3.2. Part 6</p> <p>7.3.3. Part 7</p> <p><b>7.4. Speaking:</b> Talk about your plan for the future</p>		<p>trợ động từ.</p> <p>+ Đưa nội dung tranh luận.</p> <p>+ Tổ chức thảo luận.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân và các nhóm.</p> <p><b>Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p> <p>[1]: Unit 7 trang 98-99</p> <p>[2]: Mục 1,2 trang 126, 127.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận, tranh luận và phản biện.</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 5, trang 89-111.</p>	<p>CDR2.2,</p> <p>CDR2.3,</p> <p>CDR2.5,</p> <p>CDR2.6,</p> <p>CDR3.1,</p> <p>CDR3.2,</p> <p>CDR3.3,</p> <p>CDR3.4.</p>

Hải Dương, ngày 9 tháng 8 năm 2022

KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên